

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68507 /CT-HTr
V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2015

Kính gửi:

- Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì;
- Công ty cổ phần dược phẩm Vian

Địa chỉ: Số 4B3 - Tập thể Z179, Xã Tứ Hiệp, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
MST: 0102885697

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 2612/CV-VIAN đề ngày 26/12/2014 của Công ty cổ phần dược phẩm Vian hỏi về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu tại chỗ.

Căn cứ công văn số 4279/TCT-CS ngày 14/10/2015 của Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

1. Về chính sách pháp luật thuế:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT:

+ Tại khoản 19 (e) Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

"...e) Hàng hoá, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.

Thủ tục để các tổ chức quốc tế, người nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam không chịu thuế GTGT: các tổ chức quốc tế, người nước ngoài phải có văn bản gửi cho cơ sở bán hàng, trong đó ghi rõ tên tổ chức quốc tế, người nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, số lượng hoặc giá trị loại hàng mua; xác nhận của Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính về khoản viện trợ này.

Khi bán hàng, cơ sở kinh doanh phải lập hoá đơn theo quy định của pháp luật về hoá đơn, trên hoá đơn ghi rõ là hàng bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo không tính thuế GTGT và lưu giữ văn bản của tổ chức quốc tế hoặc của cơ quan đại diện của Việt Nam để làm căn cứ kê khai thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế mua hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo có thuế GTGT thì thuộc trường hợp hoàn thuế theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 18 Thông tư này."

+ Tại khoản 1 (a) Điều 9 quy định thuế suất thuế GTGT 0%:

"1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu;



...+ Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật... ”

+ Tại khoản 2 Điều 17 quy định điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp hàng hoá được coi như xuất khẩu như sau:

“2. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật:

a) Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công có chỉ định giao hàng tại Việt Nam;

b) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan;

c) Hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu ghi rõ tên người mua phía nước ngoài, tên doanh nghiệp nhận hàng và địa điểm giao hàng tại Việt Nam;

d) Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam phải thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ được phía nước ngoài uỷ quyền thanh toán cho người xuất khẩu tại chỗ thì đồng tiền thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

đ) Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư.”

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/04/2012; khoản 2 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, quy định đối tượng áp dụng:

“2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam”

2. Về chính sách pháp luật hải quan:

- Căn cứ Điều 15 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan quy định thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ như sau:

“1. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ coi như hàng xuất khẩu; hàng hoá nhập khẩu tại chỗ coi như hàng nhập khẩu, phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và chính sách thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Căn cứ để xác định hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá phải có hai hợp đồng riêng biệt:

a) Hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng gia công, hợp đồng thuê mướn có điều khoản ghi rõ hàng hoá được giao cho người nhận hàng tại Việt Nam;

b) Hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng gia công, hợp đồng thuê mướn có điều khoản ghi rõ hàng hoá được nhận từ người giao hàng tại Việt Nam.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.”

- Căn cứ Điều 45 Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu quy định thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ như sau:

“1. Giải thích từ ngữ:

a) “Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ” là hàng hoá do thương nhân Việt Nam (bao gồm cả thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp chế xuất) xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài nhưng thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hoá đó tại Việt Nam cho thương nhân Việt Nam khác.

b) “Người xuất khẩu tại chỗ” (sau đây gọi tắt là “doanh nghiệp xuất khẩu”): là người được thương nhân nước ngoài chỉ định giao hàng tại Việt Nam.

c) “Người nhập khẩu tại chỗ” (sau đây gọi tắt là “doanh nghiệp nhập khẩu”): là người mua hàng của thương nhân nước ngoài nhưng được thương nhân nước ngoài chỉ định nhận hàng tại Việt Nam từ người xuất khẩu tại chỗ.

2. Căn cứ để xác định hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

a) Đối với sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị thuê hoặc mượn; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm thuộc hợp đồng gia công: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 12/2006/NĐ-CP.

b) Đối với hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

c) Đối với các loại hàng hoá khác: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP...”

Căn cứ các quy định nêu trên, đề nghị Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì căn cứ hợp đồng cụ thể giữa Công ty cổ phần dược phẩm Vian với các tổ chức ở nước ngoài; hợp đồng giữa tổ chức ở nước ngoài với các bên nhận hàng tại Việt Nam và các tài liệu liên quan để xem xét xác định:

+ Nếu thuộc trường hợp bán hàng cho tổ chức nước ngoài để viện trợ theo quy định tại điểm e khoản 19 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT;

+ Nếu thuộc trường hợp hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thì phải có 02 hợp đồng riêng biệt: hợp đồng bán hàng hoá của Công ty cổ phần dược phẩm Vian với tổ chức nước ngoài có chỉ định giao hàng cho người nhận hàng tại Việt Nam; hợp đồng mua hàng hoá giữa người nhận hàng tại Việt Nam với tổ chức ở

nước ngoài có chi định nhận hàng từ Công ty cổ phần dược phẩm Vian theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ; Trường hợp tổ chức nước ngoài phát sinh thu nhập tại Việt Nam thì phải nộp thuế nhà thầu theo quy định.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Chi cục Thuế Huyện Thanh Trì và Công ty cổ phần dược phẩm Vian được biết và thực hiện. / *ms*

Nơi nhận:

- Như trên;
- P. Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr (2b). (6,2)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



mai Sơn